

HOÀNG VĂN CHUNG*
PHẠM THỊ CHUYỀN**

GIÁO DỤC VỀ ĐẠO ĐỨC VÀ LỐI SỐNG CỦA PHẬT GIÁO TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY¹

Tóm tắt: Phật giáo dù được truyền bá vào Việt Nam từ đầu thiên niên kỷ thứ nhất, qua những thăng trầm của lịch sử, vẫn tồn tại đầy sức sống tới ngày nay. Một trong những nguyên do cho điều thú vị ấy là hệ thống các giá trị mà Phật giáo dần tự thân hình thành và đồng thời được các cộng đồng tiếp nhận, dung dưỡng, và bồi đắp. Các giá trị ấy được thể hiện khá rõ trong hoạt động truyền bá và thực hành các giáo lý và đặc biệt là các nguyên tắc đạo đức của Phật giáo. Chính qua việc kiến tạo và bồi dưỡng các nguyên tắc tu hành và lối sống, Phật giáo được đánh giá cao ở chức năng giáo dục mà nó mang lại cho cá nhân và xã hội vượt ra khỏi cả phạm vi một tôn giáo. Bài viết chủ yếu trình bày về giáo dục của Phật giáo về đạo đức và lối sống diễn ra ở các không gian cá nhân, gia đình và cộng đồng ở Việt Nam. Phân tích của chúng tôi tập trung nhiều hơn vào mục đích, nội dung, và phương thức giáo dục của Phật giáo được tìm hiểu trong thời gian gần đây. Bài viết đi tới nhận định rằng Phật giáo đã và sẽ có những đóng góp rất ý nghĩa và hết sức thiết thực vào công cuộc xây dựng đạo đức và lối sống mới cho con người Việt Nam.

Từ khóa: Giáo dục, Phật giáo, mục đích, nội dung, phương thức, chức năng, tôn giáo.

1. Lý luận về chức năng giáo dục đạo đức của Phật giáo

Tôn giáo là bộ phận quan trọng của văn hóa. Đây là nhận định đã được nhiều nhà khoa học nhất trí. Ngược lại, nói đến văn hóa của một dân tộc hay khu vực, người ta không thể không nhắc đến yếu tố tôn giáo,

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

** Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

¹ Bài viết phát triển từ chuyên đề của đề tài cấp Bộ 2015-2016 về “Phát huy giá trị và chức năng Phật giáo trong xã hội Việt Nam hiện nay”.

bao gồm cả niềm tin, thực hành cùng những di sản hữu hình hay vô hình. Triết lý và giáo luật của các tôn giáo có ảnh hưởng rất lớn đến nhận thức, tư tưởng, tâm lý và lối sống không chỉ của chính tín đồ mà trên nhiều phương diện đến cả xã hội thế tục. Những nghiên cứu trong và ngoài Việt Nam trong vòng hai ba thập niên gần đây cho thấy tôn giáo có một sức sống bền lâu và mãnh liệt. Thực tế này cho thấy tôn giáo có những giá trị và vai trò hết sức quan trọng đối với mỗi cá nhân con người cũng như toàn thể xã hội nói chung.

Về mối quan hệ giữa tôn giáo và văn hóa, các nhà xã hội học cho rằng ảnh hưởng của tôn giáo đối với xã hội gắn với quan hệ mật thiết của tôn giáo đối với văn hóa của xã hội đó. Việc tôn giáo sử dụng các biểu tượng và nghi lễ, sự nhấn mạnh vào truyền thống, và trong nhiều trường hợp các tổ chức của tôn giáo dần thâm sâu vào đời sống của các nhóm xã hội tới mức trở thành một thành tố không thể tách rời. Khi chúng ta sinh trong một xã hội cụ thể, nghĩa là ta đã được đặt vào một hệ thống tổng thể của các ý tưởng về quan hệ của con người với vũ trụ, và thường bao gồm cả những niềm tin về sự tồn tại của các thế lực siêu nhiên vốn chi phối cuộc sống trần thế. Những ý tưởng này được kết nối với một hệ thống phức tạp của vô vàn niềm tin về ý nghĩa của sự tồn tại cũng như quy chuẩn đạo đức. Những niềm tin này hình thành bản sắc tập thể của một nền văn hóa và phân định dân tộc này và dân tộc khác¹.

Những nhà khoa học xã hội uy tín như Mercia Eliad hay Abraham Maslow đã chỉ ra rằng tôn giáo cần được xem như là một phần không thể tách rời của bản chất người², do đó sẽ tồn tại khi con người còn tồn tại³. Nói theo cách tiếp cận của *Tôn giáo học*, tôn giáo hoàn toàn có thể được xem như là một *thực thể* (a social fact) tồn tại song song và tương tác với các thực thể xã hội khác. Các nghiên cứu về sức sống của tôn giáo trong vài thập kỷ gần đây trên thế giới, khu vực, và Việt Nam vẫn tiếp tục cung cấp những luận chứng cho những nhận định như thế⁴.

Chúng ta có thể thấy rằng mối quan giữa con người và tôn giáo là quan hệ hai chiều. Theo các nhà khoa học xã hội được xếp vào trường phái Hiện tượng luận như Peter Berger và Thomas Luckman, mỗi xã hội có một tổng thể tri thức riêng của mình, được gọi là “thế giới ý nghĩa” (universe of meaning). Đó là một sản phẩm do xã hội tạo ra và nó ngược lại cũng gây dựng nên xã hội. Mỗi thành viên của xã hội cần phải luôn được nghe kể đi kể lại rằng thế giới ý nghĩa của họ là có thực,

đáng tin cậy, đúng đắn, và hợp lý. Thiếu sự ủng hộ và tán đồng của các thành viên trong xã hội, thế giới ý nghĩa đó sẽ hỗn loạn, cuộc sống mất đi ý nghĩa, và sự ổn định xã hội bị đe dọa. Một “thế giới ý nghĩa” luôn đòi hỏi được củng cố và luận giải. Tôn giáo có vị trí quan trọng là giúp xây dựng, duy trì và hợp lý hóa các “thế giới ý nghĩa” ấy⁵. Tất nhiên, các thế giới ấy đều được cấu thành bởi những nguyên lý đặc thù và việc tìm hiểu hay rao giảng về các nguyên lý ấy có thể được xem như một phần của hoạt động giáo dục của tôn giáo.

Trong quan điểm của nhà chức năng luận Émile Durkheim, con người về bản chất có 2 mặt. Mặt thứ nhất đó là vị kỷ (vì bản thân, ích kỷ, nhấn mạnh cái tôi - selfish or egotistical). Cái vị kỷ này có một phần mang phương diện sinh học, có nghĩa là người ta cần phải thỏa mãn nhu cầu của cơ thể như là ăn, mặc, ở, v.v.. Điều này giải thích tại sao mỗi cá nhân luôn có thiên hướng tìm kiếm lợi ích cho riêng mình, và chính điều này cản trở sự hội nhập với xã hội. Mặt thứ hai là khả năng tin vào các giá trị luân lý (moral values)⁶. Chính nhờ sự biểu hiện phương diện này của bản chất người mà đời sống xã hội hay sự hội nhập xã hội có thể diễn ra⁷. Chính quan điểm này cho thấy tầm quan trọng của giá trị luân lý của mỗi cá nhân trong đời sống xã hội.

Trong khi tôn giáo có nhiều giá trị khác nhau, thì giá trị đạo đức là một trong những giá trị quan trọng nhất, dễ thấy nhất khi nhìn về các tôn giáo cụ thể. Có thể hiểu *giá trị đạo đức tôn giáo thể hiện những gì là cao quý và hữu ích nhất của tôn giáo trong việc điều chỉnh hay định hình hành vi ứng xử của tín đồ và đã được xã hội thừa nhận, trân trọng và cổ vũ*⁸. Theo những lý giải trên, thì giá trị đạo đức của tôn giáo vừa có tính bền lâu vừa có có tính mục đích. Một mặt, chúng hứa hẹn mang lại lợi ích cho cá nhân tín đồ trên con đường tìm kiếm hạnh phúc, sự thỏa mãn, hay hi vọng và khả năng vượt qua nỗi sợ hãi, và sự giải thoát. Mặt khác, niềm tin vào các giá trị đạo đức tạo điều kiện cho các tín đồ giao tiếp với nhau trong cộng đồng của mình và giao tiếp với xã hội rộng lớn nói chung.

Phật giáo là một trong những tôn giáo lớn, tiêu biểu của nhân loại. Những phân tích về giá trị, giá trị đạo đức và quan hệ với văn hóa ở trên đều có thể áp dụng vào tôn giáo này. Cụ thể hơn về đạo đức, trong tác phẩm về đạo đức học Phật giáo, Damien Keown cho rằng cơ sở tối hậu của đạo đức Phật giáo là Pháp (được hiểu như Luật của tự nhiên) và Pháp thể hiện rõ ở *nghiệp lực* là cái chi phối các hành vi đạo đức tác động đến

các cá nhân trong kiếp này và các kiếp sau. *Nghiệp hành* là hành động đạo đức vốn coi trọng kết quả đối với tự thân và tha nhân⁹. Người tu hành theo Phật giáo muốn đạt lấy sự giác ngộ, thì phải tuân thủ quy luật đã nói về Pháp, về nghiệp, cụ thể hơn ở các nguyên tắc đạo đức nói trong *Ngũ giới* và *Thập thiện*. Đồng thời, ngay tại kiếp sống này, để có được sự tự tại và hạnh phúc, tín đồ cần phải đi theo *Bát chính đạo* - cũng là các nguyên tắc đạo đức cần tu dưỡng chẳng những áp dụng cho mỗi một Phật tử mà còn cho cả người không theo Phật giáo. *Bát chính đạo*, theo đánh giá của Hoàng Thị Thơ thì cũng là biểu hiện về trách nhiệm với bản thân và xã hội của con người một cách tự giác¹⁰. Mặt khác, tư tưởng *lục hòa* cũng cung cấp những dẫn hướng quan trọng cho ứng xử đạo đức của Phật tử¹¹. Nếu nói về tính đặc thù trong đạo đức Phật giáo, thì cần phải nhấn mạnh lời khuyên về việc sống có trách nhiệm với người khác trong mọi mối quan hệ để khẳng định phẩm hạnh của bản thân¹².

Từ bi, vị tha, khoan dung, bố thí, cứu khổ, cứu nạn chính là những đặc thù về nguyên tắc đạo đức của Phật giáo. Nhưng ở Việt Nam và một số nước Đông và Đông Nam Á, sự dần thân của tín đồ Phật giáo vào công cuộc cải đổi xã hội và vì vận mệnh đất nước cũng là một nguyên tắc đạo đức phát sinh, tạo ra nét đặc thù. Nếu nguyên tắc tuyệt đối là “không sát sinh”, thì nó lại có thể là tương đối nếu xem đặc tính nhập thế của Phật giáo Việt Nam có thể thấy trong tuyên ngôn của nhà sư Thiện Chiếu: “từ bi là sát sinh để cứu độ chúng sinh”¹³. Phương châm: “đạo pháp - dân tộc - chủ nghĩa xã hội” cũng là một định hướng về hành vi đạo đức cho chức sắc và tín đồ Phật giáo mang đậm tính đặc thù của Việt Nam, xuất phát từ thực tiễn xã hội và chính trị Việt Nam¹⁴, và làm cho nó khác với nguyên thực hành Phật giáo ở nơi khác.

Phật giáo là một tôn giáo xuất hiện từ lâu ở Việt Nam, tồn tại bền bỉ cùng với quá trình gây dựng, trưởng thành và vững mạnh của dân tộc, trở thành một thành tố quan trọng của văn hóa. Đó là nguyên nhân tạo nên thực tế là Phật giáo có sự ảnh hưởng sâu sắc đối với xã hội nhiều phương diện như tư tưởng, nhận thức, đạo đức, lối sống, hành vi, và ứng xử, v.v.. Trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, Phật giáo đã và đang tham gia vào giải quyết hay cung cấp những cách tiếp cận đối với những thách thức lớn mà Việt Nam phải đối mặt như: giành, giữ độc lập, xây dựng đất nước, chống bạo lực, giải tỏa xung đột và căng thẳng xã hội, giảm thiểu nghèo đói hay hậu quả của các thảm họa thiên nhiên, hạn chế tiêu cực xã hội, duy trì bản sắc văn hóa, chống suy thoái

về đạo đức và lối sống, hay xây dựng lòng tin và tình hữu nghị giữa các quốc gia, dân tộc, v.v.. Qua sự tham gia đó, Phật giáo thể hiện vai trò của mình trong việc liên kết các cá nhân và cộng đồng, giáo dục nhận thức và định hướng hành vi ứng xử trong môi trường xã hội và với môi trường sống tự nhiên.

Xã hội học tôn giáo rất quan tâm đến phân tích chức năng của tôn giáo đối với đời sống của con người, ở cả cấp độ cá nhân và xã hội. Từ góc nhìn chức năng luận, xã hội được xem như là một hệ thống. Đó là một nhóm những bộ phận có liên kết với nhau hình thành nên tổng thể xã hội. Các thể chế (institutions) xã hội, chẳng hạn như gia đình và tôn giáo được các nhà chức năng luận có ảnh hưởng lớn xem như một bộ phận của hệ thống xã hội hơn là các đơn vị biệt lập. Nói riêng, chỉ có thể hiểu chúng khi xem xét chúng trong sự đóng góp của chúng cho hệ thống xã hội tổng thể. Một cách hình ảnh, các nhà chức năng luận thời kỳ đầu có xu hướng xem xã hội như một cơ thể sống. Họ cho rằng hiểu về bất cứ một cơ quan nào trên cơ thể (tim hay phổi chẳng hạn) thì phải hiểu quan hệ của chúng với các cơ quan khác và vai trò của nó đối với sự duy trì toàn bộ cơ thể sống. Tương tự như thế, để hiểu về bất cứ lĩnh vực nào của xã hội thì cũng phải hiểu các lĩnh vực khác và vai trò của nó đối với tổng thể xã hội. Nếu mỗi cơ thể sống cần phải được thỏa mãn những nhu cầu cơ bản để tồn tại, thì xã hội cũng đòi hỏi như thế. Đối với xã hội, đòi hỏi căn bản của nó là sự ổn định, cố kết, mọi thứ nằm trong tầm kiểm soát, và sự hài hòa¹⁵.

Trong lý thuyết xã hội học, tôn giáo còn có thể được định nghĩa như là sự nối kết các cá nhân và các nhóm tới tự nhiên và các lực lượng siêu nhiên. Durkheim lý luận rằng vai trò chính yếu của tôn giáo trong bất cứ xã hội nào là sự tăng cường “luồng tâm tập thể” (collective conscience). Ông dùng khái niệm này để mô tả các giá trị được xã hội chia sẻ và các niềm tin về luân lý vốn rất thiết yếu đối với đời sống xã hội. Không có cảm thức tập thể thì sẽ không có trật tự xã hội, kiểm soát xã hội, cố kết hay hợp tác xã hội. Durkheim tin rằng bằng cách xác định những giá trị và niềm tin luân lý vốn hình thành nên cơ sở của đời sống xã hội được coi là thiêng, tôn giáo mang lại quyền năng lớn hơn cho các giá trị và niềm tin đó trong việc dẫn hướng hành vi con người. Thái độ đối với cái thiêng cũng giống như thái độ đối với nghĩa vụ và trách nhiệm xã hội. Khi thực hành việc thờ cúng xã hội, người ta thừa nhận tầm quan trọng

của nhóm và sự phụ thuộc vào nhóm. Theo cách này, tôn giáo đẩy mạnh sự đoàn kết nhóm, do đó thúc đẩy sự cố kết xã hội¹⁶.

Trong khi đó, Bronislaw Malinowski nhìn tôn giáo như là lực lượng có chức năng tăng cường các quy phạm xã hội cùng các giá trị và đồng thời thúc đẩy sự cố kết và trật tự xã hội. Malinowski xác định một số lĩnh vực cụ thể của xã hội cần đến tôn giáo. Đó là những tình huống căng thẳng về mặt cảm xúc vốn đe dọa cố kết xã hội. Đặc biệt là ông lý luận rằng các niềm tin tôn giáo trỗi dậy như là những cách thức ứng phó với những “khủng hoảng của cuộc sống” như sinh nở, lúc dậy thì, hôn nhân, cái chết, và những thảm họa (tự nhiên) ngoài tầm kiểm soát của con người. Những sự kiện như thế phá rối cuộc sống xã hội, gây ra lo lắng. Tôn giáo sẽ tái áp đặt trật tự cho những sự hỗn loạn bằng cách thiết lập các nghi lễ. Chính các nghi lễ là cái mang mọi người lại với nhau trong như là một cách biểu hiện nỗ lực tái hợp xã hội. Các nghi lễ cũng giảm thiểu đi lo lắng bằng cách mang lại cho mọi người sự tự tin và cảm giác có được sự kiểm soát đối với tình hình. Nghi lễ do đó được Malinowski xem như các sự kiện xã hội trong đó các cá nhân đoàn kết để ứng phó với những tình huống căng thẳng¹⁷.

Trong quan điểm của Talcott Parsons, tôn giáo đặt ra một số mục đích và chính các mục đích đó có thể giúp tạo ra trật tự và sự ổn định trong xã hội. Trước tiên, ông cho rằng tôn giáo là một phần quan trọng của hệ thống văn hóa. Nó mang lại các giá trị và các niềm tin vốn tích hợp và định hình các quy phạm nhằm điều hướng hành vi của con người. Tiếp theo, ông lý luận rằng tôn giáo giúp con người ứng phó với hai loại vấn đề diễn ra trong mọi xã hội. Vấn đề thứ nhất, việc không có khả năng kiểm soát những điều bất hạnh, không may mắn và các sự kiện bất ổn, đáng sợ, bị kịch, chẳng hạn như cái chết hay tai nạn. Giống như Malinowski, Parsons cho rằng tôn giáo như một cơ chế để điều chỉnh những sự kiện đó và là một phương tiện phục hồi lại mô thức vận hành bình thường cho xã hội. Vấn đề thứ hai thuộc về sự bất an (uncertainty). Ví dụ, người ta thường không thể dự đoán được thời tiết. Tôn giáo, qua nghi lễ, mang lại sự tự tin cho con người. Do đó, tôn giáo duy trì sự ổn định xã hội bằng cách làm dịu đi sự căng thẳng và sự giận dữ vốn có thể làm tổn hại trật tự xã hội.

Parsons cũng chỉ ra rằng đời sống xã hội có đầy những mâu thuẫn vốn đe dọa đến những ý nghĩa mà người ta gán cho cuộc đời. Ông lý luận rằng một trong những chức năng chính của tôn giáo là lý giải trải nghiệm.

Tôn giáo trả lời những câu hỏi về sự tồn tại của con người và vị trí của họ trong trật tự vũ trụ. Chức năng này của tôn giáo đặc biệt quan trọng trong sự giải tỏa sự giận dữ nói trên cái thường đe dọa niềm tin về ý nghĩa của cuộc đời và khiến cho sự tồn tại là vô nghĩa. Tại sao cái chết sẽ xảy ra? Tôn giáo hợp lý hóa điều này bằng cách tích hợp nó vào một hệ thống triết lý tương đối nhất quán về ý nghĩa. Điều này giúp cho người ta tự điều chỉnh về trí tuệ và cảm xúc. Ở phạm vi rộng hơn, sự tự điều chỉnh này thúc đẩy sự ổn định và trật tự xã hội¹⁸.

Ngoài ra, còn một số trường phái khác đã chỉ ra những chức năng cũng rất đáng chú ý mà tôn giáo mang lại cho xã hội nơi nó đang hiện diện. Nhưng nhìn chung, một số chức năng cơ bản của tôn giáo là chức năng liên kết xã hội; duy trì hoặc liên tục điều chỉnh để có được sự thăng bằng và ổn định cho xã hội; an ủi, động viên tầng lớp xã hội yếu thế và dễ bị tổn thương; bồi đắp về mặt tinh thần; trả lời những câu hỏi tối thượng của con người; lý giải và hợp lý hóa kinh nghiệm của đời sống; làm cho cuộc sống tin đồ có ý nghĩa; giáo dục về đạo đức và lối sống; và hỗ trợ an sinh xã hội.

Luận điểm của các nhà xã hội học nói trên gợi ra một điểm quan trọng. Chúng ta có thể nhận diện được sự tham gia của tôn giáo vào giáo dục nói chung, nói cách khác là chức năng giáo dục mà tôn giáo đảm nhiệm được, với nghĩa là tạo ra nhận thức về bản chất của vũ trụ; về quan hệ giữa các lực lượng siêu nhiên và con người; về các nguyên lý phổ quát chi phối xã hội và hành xử của mỗi cá nhân; về tầm quan trọng của phát triển cảm thức và trách nhiệm tập thể, đề cao sự kết nối cộng đồng, duy trì ổn định xã hội; và về một lối sống hạnh phúc, bình an, hài hòa và tốt đẹp. Đây cũng là những phương diện khác nhau của nội dung giáo dục mà chúng tôi quan tâm ở Phật giáo ở Việt Nam. Phật giáo không chỉ trang bị cho tín đồ những nhận thức, mà tôn giáo này còn trực tiếp cung cấp những dẫn hướng hành xử đạo đức rất cụ thể.

Đạo đức Phật giáo khi đã trở thành có giá trị, tự nó có sức lan tỏa lớn, vượt ra khỏi các cộng đồng Phật giáo. Đến một thời điểm phù hợp, Phật giáo đã được nhìn nhận không chỉ là một tôn giáo cung cấp một thế giới quan và nhân sinh quan đầy thuyết phục, mà còn có thể đảm trách cả một chức năng quan trọng mà các cộng đồng người Việt cần có: chức năng giáo dục. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ quan tâm đến *chức năng giáo dục* của Phật giáo, được hiểu là *hoạt động*

giáo dục của Giáo hội Phật giáo, của các nhà sư, hay của những trí thức Phật giáo về các nguyên tắc đạo đức và giá trị đạo đức của Phật giáo cho Phật tử hay cho cá nhân có tình cảm với Phật giáo. Hành động giáo dục như thế có mục đích tác động đến tín đồ để tạo ra những chuyển biến trong nhận thức về giá trị và ý nghĩa của đạo đức, tạo ra phẩm chất và năng lực¹⁹ hành xử có đạo đức, cung cấp dẫn hướng và điều chỉnh hành vi đối với người tin theo. Nhà nước hay người dân tìm kiếm các nội dung giáo dục về trật tự xã hội, về nguyên tắc quan hệ xã hội, về các nguyên lý của tự nhiên và xã hội trong các triết thuyết hay giáo thuyết khác như Đạo giáo hay Khổng giáo, nhưng lại tìm thấy ở Phật giáo sức mạnh giáo hóa về đạo đức. Do đó, nói về sự tham gia của Phật giáo vào giáo dục cho người Việt Nam nói chung sẽ bao gồm sự tham gia của tất cả các yếu tố cấu thành nên Phật giáo, gồm Phật (bản thân Đức Phật như một hình mẫu), Pháp (kinh Phật), và Tăng (giới tu hành Phật giáo chuyên nghiệp).

Những người trong xã hội có thể được tiếp xúc với giáo dục đạo đức, lối sống từ Phật giáo bao gồm cả Phật tử và những người đơn giản là chỉ có cảm tình với Phật giáo. Phật tử không chỉ là những người đã chính thức quy y Tam Bảo mà bao gồm cả những người tu tập theo một pháp môn nào đó của Phật giáo dù chưa chính thức quy y Tam Bảo. Phật tử có thể là những người sở hữu niềm tin Phật giáo nhưng không nhất thiết là người tu hành chuyên nghiệp hay tăng sĩ. Trong khi đó, có những người dù không sở hữu niềm tin Phật giáo nhưng bằng cách này hay cách khác tiếp xúc với Phật giáo và được thụ hưởng hiệu quả giáo dục đạo đức, lối sống từ Phật giáo - họ là những người có cảm tình với Phật giáo.

Trong giai đoạn hiện nay, việc xây dựng đạo đức, lối sống con người Việt Nam đang trở thành một trong những vấn đề có tính thời sự và cấp bách, được dư luận xã hội cũng như các tầng lớp trong xã hội hết sức quan tâm. Một nan đề chúng ta phải đối mặt và tìm cách giải quyết hình thành từ mâu thuẫn giữa một bên là sự phát triển của nền kinh tế thị trường, sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng và một bên là sự suy thoái đạo đức, khủng hoảng lối sống của một bộ phận không nhỏ các tầng lớp trong xã hội. Ngày càng xuất hiện nhiều hơn các biểu hiện của sự lệch chuẩn trong lối sống đặc biệt của thế hệ trẻ, bên cạnh đó là sự bùng phát của các loại tệ nạn xã hội, và sự vô cảm của cá nhân hay tập thể trước nỗi đau khổ của đồng loại có chiều hướng ngày càng gia tăng. Trong tình hình đó, việc tìm kiếm các nguồn lực tại chỗ và sẵn có, chẳng hạn như tôn giáo, để có được những

giải pháp bền vững trở nên cấp thiết. Phật giáo hoàn toàn có thể là một trong các nguồn lực ấy nếu xem xét sự phổ biến và sức ảnh hưởng sâu rộng của tôn giáo này đối với văn hóa của người Việt.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ có thể bắt đầu khái quát về thực tiễn giáo dục đạo đức và lối sống của Phật giáo ở Việt Nam hiện nay, với sự tập trung vào giáo dục Phật giáo nơi không gian thờ cúng (gia đình, cơ sở thờ tự Phật giáo, hay không gian công cộng) và qua môi trường truyền thông đại chúng. Đồng thời, khung phân tích của chúng tôi được hình thành từ các yếu tố chính là chủ thể giáo dục, đối tượng được giáo dục, mục đích giáo dục, và phương thức giáo dục.

2. Giáo dục đạo đức của Phật giáo ở Việt Nam

2.1. Quan điểm của một số tác giả về giáo dục đạo đức của Phật giáo

Trong phân tích của Nguyễn Lang, từ đầu thời Lý, các vị vua đã rất cần các nhà sư trong “liên kết nhân tâm” hay “công tác giáo dục”²⁰. Tới đời Trần, Phật giáo còn được xem là “chủ lực của văn hóa”. Các vua Trần đã nêu những tấm gương sáng và gây ảnh hưởng rộng lớn trong xã hội về “học Phật”. “Học Phật” theo lý giải của Nguyễn Lang, “không đưa đến thi cử và địa vị” mà “chỉ là để làm người”²¹. Tuy nhiên, Phật giáo còn làm được nhiều hơn thế. Nhìn rộng hơn về giai đoạn này, thông qua hoạt động truyền giảng Phật pháp, tổ chức và vận hành các cộng đồng, Phật giáo đã thể hiện rất rõ chức năng giáo dục cho cộng đồng chứ không chỉ dừng ở mức độ các cá nhân riêng lẻ. Các nội dung về Phật giáo còn xuất hiện trong, thậm chí tham gia vào thi cử, thể hiện rõ nhất qua ghi chép về những kỳ thi Tam giáo, đặc biệt vào thời Trần (1227, 1247, 1386)²². Chính nhờ đó mà Phật giáo cùng với Đạo giáo và Khổng giáo tạo nên một cục diện Tam giáo tịnh hành (cùng tồn tại) và trở thành một hằng số của văn hóa Việt Nam.

Trong một nghiên cứu về giáo dục Phật giáo Việt Nam, Nguyễn Công Lý phân tích từ cội nguồn, mục đích và bản chất của giáo dục Phật giáo, đến khái lược hoạt động giáo dục Phật giáo ở Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử. Nghiên cứu này cũng chỉ ra các hình thức giáo dục Phật giáo tiêu biểu nhất, và những cá nhân kiệt xuất. Nhận định đáng chú ý nhất của tác giả là Phật giáo có một hệ thống các phương pháp đầy ưu trội trong giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống hòa hợp trong cộng đồng, và cách ứng xử thân thiện với môi trường tự nhiên cho con người nói chung²³.

Về điều kiện tiếp xúc với Phật giáo của các cá nhân, Hồ Bá Thâm cho rằng con người tìm thấy ở tôn giáo một chỗ dựa tinh thần nào đó khi trong cuộc sống, trong nhận thức, trong tình cảm gặp phải những khó khăn, trở ngại không thể vượt qua được, nhất là những rủi ro, bất trắc do tự nhiên hay xã hội đưa lại. Đó là những nhu cầu về sự yên ổn, tu tâm dưỡng tính, hướng thiện, chống lại cái ác²⁴. Về nguyên tắc từ ý thức tiếp nhận tới hành vi ứng xử đúng đắn, Hoàng Thị Thơ từ tiếp cận triết học cho rằng đạo đức Phật giáo là “đạo đức vô thần” trên nền tảng Tứ diệu đế, với cốt lõi là *giới, định, tuệ*. Cho nên, “chính” trong Bát chính đạo có chức năng định hướng hành vi đạo đức của tín đồ²⁵.

Nguyễn Quốc Tuấn cho rằng giáo thuyết và thực hành Phật giáo đóng vai trò như một “phương thuốc thần diệu” để chữa bệnh nơi tâm trí con người. Sự tăng trưởng về tri thức và mức sống, theo tác giả, không trực tiếp dẫn đến một xã hội hạnh phúc và hài hòa. Để đến cái đích nói trên, chỉ còn cách đi qua con đường đạo đức, và chính Phật giáo vừa chỉ ra con đường này, vừa nói đến cách để đi trên con đường đó²⁶. Đó cũng chính là lý do tất yếu mà Phật giáo tham gia vào việc giáo dục đạo đức và lối sống cho con người.

Về vai trò của Phật giáo trong xã hội Việt Nam hiện nay, Nguyễn Khắc Đức đã khẳng định Phật giáo có chức năng định hướng và giáo dục con người theo các chuẩn mực, quy tắc đạo đức tốt đẹp. Những quy tắc của riêng Phật giáo có thể thấy trong các nội dung của Ngũ giới, Thập thiện, Lục độ. Có được điều này, theo tác giả là do các giá trị đạo đức của Phật giáo cũng rất gần và có thể hòa quyện với các giá trị đạo đức truyền thống của người Việt nói riêng và các giá trị đạo đức phổ quát của nhân loại nói chung²⁷.

Về bản chất của phương thức giáo dục Phật giáo, giáo dục từ Phật giáo được đánh giá là mang tính tự giác²⁸ và tự nguyện, kể cả trong quá khứ và hiện tại. Khi tín đồ đã tiếp xúc với Phật giáo, họ thụ hưởng hiệu quả giáo dục từ Phật giáo thì họ tự nguyện noi theo mà không cần phải tuân thủ như có một chế tài xử phạt nào. Cho nên đạo đức Phật giáo đã dần dần thấm sâu vào tâm hồn người Việt, cụ thể là tinh thần từ bi, từ ân, bình đẳng, trách nhiệm của những người trong gia đình với nhau. Từ đó, Phật giáo động viên con người hướng thiện, đoàn kết với nhau trong cộng đồng²⁹.

Từ tiếp cận văn hóa học, Đặng Văn Bài khẳng định các giá trị văn hóa, đạo đức Phật giáo có tác dụng thức tỉnh lương tri con người, khoan dung, hòa bình, khuyến thiện... thích hợp trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam³⁰. Trong khi đó, nếu nhìn vào bên trong mỗi cá nhân, Phùng Thị An Na và Đỗ Lan Hiền cho rằng tư duy tôn giáo ảnh hưởng mạnh mẽ tới lối sống của người Việt³¹. Đây là nhận định đáng chú ý khi xem xét ảnh hưởng về đạo đức và lối sống trong trường hợp Phật giáo ở Việt Nam.

Về vai trò của các nhà sư trong giáo dục, theo Ngô Thị Lan Anh, các nhà sư Phật giáo trực tiếp góp phần hình thành nên đội ngũ trí thức ở Việt Nam thông qua việc giảng giải về cái “Tâm”³². Như vậy, ở Việt Nam hiện nay các nhà sư đóng vai trò cụ thể nào trong việc giáo dục đạo đức và lối sống cho con người trong xã hội. Đây là vấn đề bài viết cũng sẽ ưu tiên chỉ rõ.

Trên cơ sở tán đồng và mong muốn phát triển thêm những kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi kết hợp giữa khảo sát tư liệu nghiên cứu và thực hiện phỏng vấn bán cấu trúc một số Phật tử, người tiếp xúc với giáo dục từ Phật giáo, tăng sĩ Phật giáo ở một số khu vực như Huế, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Thái Nguyên, Hải Dương, Thái Bình, Hà Nội. Mục đích chính là tìm hiểu việc Phật giáo tham gia vào việc giáo dục cho con người trong xã hội Việt Nam hiện nay với phương thức nào, nội dung nào, ở những không gian nào, và có thể tạo chuyển hóa trong đời sống của cá nhân những người được tiếp nhận ra sao?

2.2. Giáo dục đạo đức của Phật giáo ở Việt Nam hiện nay

Nội dung giáo dục đạo đức Phật giáo bao gồm trước hết là tinh thần từ bi, hi xả, hòa đồng, bác ái, vô ngã, vị tha, và trân trọng sự sống. Những tinh thần đó được thể hiện rõ hơn qua các nguyên tắc đạo đức thuộc “Ngũ giới” và “Thập thiện”. Những câu chuyện trong kinh Phật hay những tấm gương đạo đức sáng ngời của các Phật tử cũng là những minh chứng sống động cho việc hiểu, áp dụng, và gìn giữ các nguyên tắc này. Mặt khác, giáo dục đạo đức Phật giáo cũng là sự tái khẳng định những giá trị quý báu của các nguyên tắc đạo đức khi áp dụng vào đời sống hằng ngày để có một cuộc sống an lạc, giàu ý nghĩa và trọn vẹn. Dưới đây, chúng tôi sẽ đi vào những phương thức cụ thể mà Phật giáo Việt Nam đã chuyển tải những nội dung này vào Phật tử, người có tình cảm với Phật giáo, và đối với xã hội thể tục nói chung.

2.2.1. Giáo dục đạo đức tại không gian thờ cúng

Tăng sĩ là một trong ba yếu tố quan trọng nhất của Phật giáo. Các vị sư đóng vai trò rất quan trọng trong hỗ trợ một cá nhân tiếp cận với giáo lý căn bản của Phật giáo và áp dụng giáo lý để tu sửa, cải biến và phát triển tâm thức của họ. Về nguyên tắc, mỗi vị sư cũng là một người đã tu, đang tu và tiếp tục tu cho tới hết đời. Khác với Phật tử, họ là người nguyện hiến dâng trọn vẹn cuộc sống của mình cho Phật pháp. Họ không chỉ là người hướng dẫn Phật tử tiếp nhận giáo lý cũng như những giá trị luân lý đạo đức của Phật giáo mà còn hướng dẫn họ thực hành trong cuộc sống hằng ngày. Trình độ, nếp tu trì giới luật, đáng về uy nghi, phong thái ứng xử của các sư đều có tác động mạnh mẽ tới cảm xúc của Phật tử trong sinh hoạt và hoạt động Phật giáo. Xưa, người Việt Nam thường quan niệm ‘sư chùa là bùa làng’. Tăng sĩ có vị trí đứng đầu trong cộng đồng những người sở hữu niềm tin Phật giáo. Bản thân họ là những tấm gương để Phật tử noi theo. Một vị sư chân chính có vai trò rất lớn trong việc quy tụ và thực hiện tốt chức năng hoằng pháp cho những người sở hữu niềm tin Phật giáo hướng về Tam Bảo và thực hành Phật giáo trong và ngoài cơ sở thờ tự.

Trong hiện thực của Phật giáo ở Việt Nam hiện nay, việc giáo dục qua hình ảnh một vị tăng sĩ được xem là “giáo dục tự thân”³³, tức là bản thân một vị tăng sĩ với đạo đức, trình độ, uy nghi của mình có thể có tác dụng trực tiếp hoặc gián tiếp đến sự tiếp nhận những giá trị luân lý đạo đức Phật giáo của những người sở hữu niềm tin Phật giáo và có cảm tình với Phật giáo. Trong điều kiện truyền thông phát triển như hiện nay, hình ảnh một vị sư có uy tín về Phật học và đức hạnh thường được truyền đi rất nhanh chóng và chia sẻ rộng rãi.

Về cơ bản, phương thức giáo dục lấy các nhà sư làm hình mẫu và nguồn cội của tri thức Phật giáo vẫn là phương thức truyền thống được phần lớn Phật tử lựa chọn³⁴. Thông thường, đại đa số Phật tử mỗi khi có điều nghi vấn trong tu học, có khúc mắc trong cuộc sống thường chọn cách gặp và trò chuyện với vị thầy của mình hơn là nghiên cứu kinh điển, hay tự mày mò tìm kiếm. Một vị sư hiểu rõ Phật học, có tư tưởng coi trọng truyền bá Phật giáo (hoằng pháp) thì có thể đáp ứng được việc giải đáp nghi vấn và tư vấn tháo gỡ những khúc mắc trong cuộc sống của Phật tử. Khi sự đáp ứng đó được thể hiện qua những lời nhẹ nhàng, ân cần, thấu tình đạt lý của một vị sư chân tu thì hiệu quả giáo dục thậm chí còn cao hơn.

Về điều kiện học tập, tăng ni Phật giáo hiện nay có nhiều thuận lợi từ mô hình giáo dục của Giáo hội. Một nữ trí thức đồng thời là Phật tử cho biết: “Giáo dục Phật giáo Việt Nam cũng có đổi mới trong đào tạo lớp Tăng Ni để đáp ứng cho giai đoạn phát triển mới của Giáo hội. Cụ thể, trong vài thập kỷ gần đây, những trường Trung cấp Phật học, Học viện Phật giáo được nâng cao về đội ngũ giảng sư được đào tạo tốt ở nước ngoài, cập nhật với xu thế phát triển của Phật giáo trên thế giới”³⁵. Trước sự trông đợi của tín đồ, họ phải là những con người mẫu mực về đạo đức, có trình độ vững vàng về Phật học, đồng thời cũng sở đắc tối thiểu những kiến thức về các môn khoa học kỹ thuật, hành chính quản trị, văn học, lịch sử, sư phạm, đạo đức học, tâm lý học, xã hội học, sinh thái học, v.v.. Những kiến thức này được cho là những phương tiện vô cùng cần thiết để phục vụ lý tưởng “hoằng pháp lợi sinh”, và đặc biệt là phù hợp với khả năng nhận thức riêng của mỗi Phật tử³⁶.

Nhiều tăng sĩ Phật giáo có trình độ cao về Phật học, có tri thức sâu rộng, có kỹ năng truyền đạt tốt, đã trở thành những người thầy vừa có thể nghiên cứu sâu Phật học, vừa phục vụ niềm tin, vừa có thể tích cực truyền bá Phật giáo. Trong các hoạt động ấy, họ cũng có thể phát huy rất tốt vai trò của một người thầy truyền giảng những giá trị đạo đức của Phật giáo cho người tiếp nhận. Một Phật tử cho biết: “Một vị sư có trình độ cao, có kỹ năng tốt, có tâm hoằng dương Phật pháp thì không những cộng đồng Phật tử xung quanh người đó đông hơn, mà trong số Phật tử đó trí thức cũng nhiều hơn. [...] Bởi vì, Phật tử là trí thức sẽ không chỉ đến với sư để được cầu cúng, mà họ còn tới với mình sư để tu học và nghiên cứu”³⁷. Vì vậy, không chỉ trong lịch sử, mà ngay ở xã hội Việt Nam hiện nay, những vị “minh sư” như thế vẫn giữ vai trò vô cùng quan trọng trong việc thực hiện chức năng giáo dục của Phật giáo.

Tăng sĩ cũng còn có một cách thức khác nhằm giáo dục đạo đức Phật giáo bằng cách sử dụng sự bài trí trong không gian thờ tự như chùa, am, thiền viện, niệm Phật đường. Đây là cách tập trung vào thị giác để gây sự chú ý và tạo ấn tượng ban đầu. Ở những ngôi chùa Bắc tông, hai “Ông Hộ Pháp” là những biểu tượng cho việc khuyến khích những người làm việc lành (Khuyến Thiện) và răn dạy hay trừng trị những ai làm việc dữ (Trừng Ác). Tượng Quan Âm (đặc biệt là Bạch Y Quan Âm) thường được bài trí ở một nơi riêng biệt trưng cho lòng Từ bi. Các bức tượng của các vị La Hán thường đi kèm chú giải về những đức

hành tiêu biểu của họ, và đó là một cách gián tiếp để giáo dục về những giá trị của đạo đức Phật giáo.

Ngoài ra, hiện nay với nỗ lực của các nhà sư, ở các chùa ngày càng xuất hiện nhiều văn bản được trình bày có tính mỹ thuật cao, như “Mười bốn điều răn của Phật”, những câu thơ hay bức tranh đề cao lòng hiếu thuận của con cái với cha mẹ, những cách nói văn thơ về nguyên tắc đạo đức của Phật giáo. Bất cứ ai chưa đọc kinh Phật, chưa nghe giảng kinh Phật mà đọc những dòng này đều có thể hiểu được. Đây có thể xem là sự biểu hiện sự giáo dục rất đặc biệt của Phật giáo hiện nay.

Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận một thực tế là vẫn có những vị sư dù có ảnh hưởng đến cộng đồng, nhưng chưa phải là những tấm gương sáng, đáng mong đợi về lối sống và năng lực dẫn hướng hành vi đạo đức cho người dân. Vì thế, giáo dục đạo đức không thể chỉ dựa vào tăng sĩ mà còn nhiều yếu tố khác nữa mà chúng tôi tiếp tục trình bày dưới đây.

2.2.2. Giáo dục đạo đức qua thực hành Phật giáo

Thực hành ở đây được hiểu là những sinh hoạt như thực hành nghi lễ, tu tập, giáo dục, cúng dường, tạo dựng cơ sở vật chất. Nội dung và phương thức của những thực hành này được chi phối bởi các yếu tố cơ bản là chủ trương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ý chí của người đứng đầu cơ sở thờ tự và niềm tin vào giáo lý của Phật của người trực tiếp tham gia. Từ phía Giáo hội Phật giáo Việt Nam, “cho dù là qua nghi lễ hay qua bất cứ hoạt động nào thì vẫn hướng tới mục đích giúp cho người Phật tử hiểu Đạo, hiểu được những giá trị đạo đức của Phật giáo và áp dụng những điều Phật dạy vào cuộc sống của họ³⁸”. Chúng tôi chia ra hai hình thức thực hành là qua thực hiện nghi lễ và qua hoạt động tu tập.

2.2.2.1. Qua thực hành nghi lễ

Ở Việt Nam, trong một năm, tại các cơ sở thờ tự của Phật giáo, tùy vào chủ trương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và điều kiện của cơ sở thờ tự đó có thể tổ chức một số ngày lễ và ngày kỷ niệm lớn³⁹. Trong đó lễ Phật Đản và lễ Vu Lan được hầu hết các cơ sở thờ tự Phật giáo tổ chức với quy mô lớn nhất trong năm. Từ Huế trở ra Miền Bắc, do đặc trưng về niềm tin tôn giáo của người sở hữu niềm tin Phật giáo khác nhau, cho nên có sự lựa chọn tổ chức thêm những ngày lễ khác nhau, như rằm tháng Giêng, kỷ niệm ngày sinh của Phật Thích Ca, lễ Vu Lan, lễ vía Quán Thế Âm, lễ vía A Di Đà (chủ yếu ở những chùa chú trọng thực hành pháp môn Tịnh Độ). Theo quan sát của chúng tôi và qua tư liệu báo chí, tại

những buổi lễ này, tại một cơ sở Phật giáo, người tham dự có thể từ hàng trăm tới vài ngàn người.

Trong ngày lễ Vu Lan, người tham dự thường được nghe những bài pháp thoại (giảng về Phật pháp) chú trọng tới “Tứ ân” trong giáo lý của Phật. Đó là ơn cha mẹ, ơn thầy bạn, ơn quốc gia và ơn chúng sinh. Lòng biết ơn trở thành sự xa xỉ đối với nhiều người, đặc biệt là những người trẻ tuổi ở Việt Nam hiện nay không còn là lạ, vì thế những lời về tứ ân lại cần thiết được trao gửi hơn nữa. Không chỉ ở lễ Vu Lan, pháp thoại về Tứ ân còn được đề cập tới nhiều lễ cúng 49 ngày của người trong gia đình Phật tử ở một số chùa.

Bên cạnh những ngày lễ lớn, nhiều cơ sở thờ tự còn tổ chức những lễ không thường xuyên, quy mô tuy nhỏ nhưng có tác dụng giáo dục không hề nhỏ. Một trong số đó là lễ hằng thuận (lễ cưới theo nghi thức Phật giáo) được xem như là một hình thức được giới trẻ ngày càng quan tâm. Chúng ta có thể thấy ngày càng nhiều những nghi lễ này được tổ chức ở các cơ sở thờ tự tại các địa phương, như: Thành phố Hồ Chí Minh (Tu viện Tường Vân, huyện Bình Chánh; chùa Viên Giác, quận Tân Bình; chùa Giác Ngộ, quận 10; chùa Vĩnh Nghiêm, quận 3); ở Huế (chùa Huệ Quang, Ngũ Hành Sơn; chùa Từ Đàm, Niệm Phật đường Sư Lỗ, chùa Tường Vân (thành phố Huế); ở Hà Tĩnh có chùa Thanh Lương (thị trấn Nghi Xuân, huyện Nghi Xuân), Nghệ An có chùa Diệc, v.v.. Tại Hà Nội, không ít nam thanh nữ tú chọn tổ chức lễ kết hôn của mình tại thiền viện Sùng Phúc (quận Long Biên), chùa Đình Quán (Từ Liêm), chùa Lý Triều Quốc Sư (quận Hoàn Kiếm). Tại những nơi này, trong mỗi lễ hằng thuận, thường có một bài pháp thoại của một vị tăng, thường bắt đầu từ một câu chuyện trong Kinh Phật có liên quan tới chuyện gia đình, vợ chồng. Rồi từ đó, vị giảng sư có thể chia sẻ những điều về tình yêu, trách nhiệm của mỗi thành viên trong gia đình.

Ngoài ra, chúng tôi còn thấy ở một số cơ sở thờ tự của Phật giáo khi tổ chức lễ tứ cửu (lễ 49 ngày cho người mới chết) cũng có những nội dung có tính giáo dục cao cho người tham dự. Ví dụ, tại Thiền viện Trúc lâm Tuệ Đức (Sông Lô, Vĩnh Phúc) mỗi khi có lễ tứ cửu, sư trụ trì thường dành một khoảng thời gian trong buổi lễ chừng 20 phút để nói về việc vì sao nên cầu Phật gia hộ cho người đã chết, về luật nhân quả, về lòng hiếu của con cháu khi ông bà cha mẹ còn sống và khi ông bà cha mẹ đã qua đời. Sư trụ trì khi trò chuyện với chúng tôi nói rằng, bình thường có thể

những điều đó đã được giảng, được nghe ở nhiều dịp, nhưng nếu trong không gian thiêng này, trong nghi lễ của chính gia đình họ, trong thời khắc minh trực tiếp thực hiện nghi lễ cho ông bà cha mẹ mình, thì những điều đó dễ đi vào lòng người ta nhất.

2.2.2.2. Qua thực hành tu tập

Thực hành tu tập ở đây là thực hành của những Phật tử học giáo lý và tu tập tại các cơ sở Phật giáo. Trước hết, sự thực hành tu tập này liên quan mật thiết với tu tập của vị sư trụ trì. Mỗi một tự viện hay thiền viện có mức độ thực hành theo thanh quy (quy tắc) khác nhau. Nơi nào hiện tại chú trọng thực hành phép tu Thiền có thời khóa khác với nơi chú trọng thực hành phép tu Tịnh Độ. Tu tập tại cơ sở thờ tự là điều kiện thuận lợi và trực tiếp nhất để tăng sĩ Phật giáo có thể thuyết giảng và đưa những nội dung luân lý đạo đức Phật giáo đến với những người tới tham gia. Hiện nay, những chương trình tu tập dành cho Phật tử được nhiều người quan tâm là thực hành tu tập của Gia đình Phật tử, thực hành tu tập của câu lạc bộ thanh niên Phật tử, khóa tu Bát quan trai giới, khóa tu Bồ Tát giới, tuần văn hóa Phật giáo. Đây là những sinh hoạt tu tập mang đậm tính giáo dục.

“Gia đình Phật tử” là tên gọi của tổ chức giáo dục đạo đức cho thanh thiếu đồng niên tin Phật, được Hội Việt Nam Phật học khai sinh và đặt tên cho từ năm 1951. Với châm ngôn “Bi - Trí - Dũng - Hòa - Tin - Vui”, và khẩu hiệu “Tinh Tấn”, những hoạt động của tổ chức Gia đình Phật tử nhằm hướng tới mục đích “Đào luyện Thanh thiếu Đồng niên tin Phật thành Phật tử chân chánh, góp phần phụng sự đạo pháp và xây dựng xã hội⁴⁰”. Các đoàn sinh về nguyên tắc phải tuân thủ các điều luật sau: Điều luật của Huynh trưởng và Đoàn sinh Ngành Thanh, Thiếu niên (Phật tử quy y Phật Pháp Tăng và giữ giới đã phát nguyện. Phật tử mở rộng lòng thương, tôn trọng sự sống. Phật tử trau dồi trí tuệ, tôn trọng sự thật. Phật tử trong sạch từ thể chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm. Phật tử sống hỷ xả để dũng tiến trên đường đạo); và Điều luật của Đoàn sinh ngành Đồng (Em tưởng nhớ Phật. Em kính mến cha mẹ và thuận thảo với anh chị em. Em thương người và vật)⁴¹. Những điều luật đó giúp các đoàn sinh rèn luyện được tính chân thật, tâm hiếu kính với mọi người, lòng yêu thương muôn loài.

Hiện nay, ở Việt Nam có 1.047 đơn vị Gia đình Phật tử thuộc Phân ban Gia đình Phật tử, GHPGVN, hoạt động trên 34 tỉnh thành, với 73.942 đoàn sinh; có 433 đơn vị Gia đình Phật tử thuộc truyền thống, hoạt động

trên 24 tỉnh thành, với 30.727 đoàn sinh⁴². Trong đó tại Hà Nội, tính tới cuối năm 2015, ít nhất có 7 đơn vị Gia đình Phật tử được thành lập trực thuộc Ban Hướng dẫn Phân ban Gia đình Phật tử. Tính trung bình cứ 1.000 dân thì có 1,19 đoàn viên Gia đình Phật tử. Với cơ cấu tổ chức chặt chẽ, chương trình hoạt động đa dạng, phong phú và thiết thực, Gia đình Phật tử đã đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo một bộ phận thanh thiếu niên, đặc biệt là thanh thiếu niên ở thành phố có sức khỏe, đạo đức tốt và sống hài hòa trong tinh thần Phật giáo.

Thanh niên nếu không thể tham gia tổ chức Gia đình Phật tử, có thể tham gia Câu Lạc bộ Thanh niên Phật tử. Hình thức câu lạc bộ này phát triển ở nhiều chùa trên cả nước. Ở Hà Nội, tiêu biểu có câu lạc bộ thanh niên Phật tử của chùa Bằng, chùa Lý Triều Quốc Sư, chùa Quán Sứ, chùa Đình Quán, chùa Pháp Vân,... Ở Nghệ An, tiêu biểu có câu lạc bộ thanh niên Phật tử Sen Vàng chùa Diệc (thành phố Vinh), Hoàng Pháp Viên,... Ở Thành phố Hồ Chí Minh có câu lạc bộ thanh niên Phật tử chùa Từ Tân (quận Tân Bình), chúng thanh niên Phật tử Phật Quang (chùa Phật Quang, quận Bình Thạnh),... và ở các tỉnh thành khác cũng có nhiều câu lạc bộ thanh niên Phật tử theo từng chùa. Mỗi câu lạc bộ chừng vài chục người tới vài trăm người, thường là các em học sinh, sinh viên, thanh niên quy tụ lại một chùa dưới sự hướng dẫn của vị sư hướng dẫn hoặc một vài Phật tử thuần thành. Những năm gần đây, thông thường ngoài trợ giúp Phật sự cho các chùa, các thanh thiếu niên trong câu lạc bộ thường tham dự một khóa tu theo định kỳ một tháng một ngày tại chùa⁴³. Bởi đây là những đối tượng trẻ tuổi, năng động, ưa sự sôi nổi, nên chương trình khóa tu một ngày luôn có phần thi, phần vui chơi theo kiểu “hái hoa dân chủ”, trong đó một số điều giáo lý đơn giản cũng được lồng ghép vào trò chơi, để đảm bảo vừa học vừa chơi, trọn một ngày các em sống và tu trì theo Phật pháp. Mặc dù câu lạc bộ thanh niên Phật tử không phải được thành lập ở tất cả các chùa trong cả nước, nhưng hoạt động của khóa tu một ngày cùng với những hoạt động thiện nguyện của các em thì đã có một sự tác động không nhỏ tới việc hình thành đạo đức và lối sống cho một bộ phận thanh thiếu niên sở hữu niềm tin Phật giáo. Chính các em với sự tiếp nhận những giá trị luân lý đạo đức Phật tử qua các khóa tu là những người trực tiếp làm lan tỏa những giá trị này ra xã hội thông qua những hoạt động thiện nguyện chung và những sự chia sẻ mang tính cá nhân.

Với phần đông các Phật tử trung niên, nhiều chùa còn tổ chức những khóa tu như “Bát quan trai giới” hoặc “Bồ Tát giới” dành cho Phật tử đã

thông hiểu đạo (thuần thành). “Bát quan trai giới” là sự giữ gìn cho thân tâm được thanh tịnh bằng cách ngăn chặn 8 điều tội lỗi⁴⁴. Thời khóa ở mỗi chùa có khác nhau. Ở chùa Cần Linh (còn gọi là chùa Sư Nữ, thành phố Vinh, Nghệ An), khóa tu Bát quan trai giới kéo dài đủ 24h đồng hồ, bắt đầu từ 7 sáng sáng hôm trước tới 7 giờ sáng hôm sau mới kết thúc. Đặc biệt có nhiều Phật tử ở các nơi về chùa Cần Linh thường xuyên được tham dự hai khóa khóa tu “Bồ Tát giới” (khóa tu giữ giới Bồ Tát) từ chiều 13 tới 15 hằng tháng và từ chiều 29 đến mùng 1 hằng tháng. Sau khi làm lễ nhập chúng, vào tối ngày 14 và tối ngày 30 thực hiện lễ phát lộ. Trong lễ này, Phật tử đứng trước toàn thể người tham dự (đại chúng) bày tỏ những việc làm chưa tốt của mình, những lỗi lầm mình đã phạm để đại chúng tư vấn, chỉ bảo, giúp đỡ sửa đổi. Đây là một hình thức gần giống với việc xưng tội ở các nhà thờ Công giáo, nhưng là nói trước nhiều người, và sau đó người bày tỏ lỗi lầm được trực tiếp giúp đỡ sửa đổi trong cuộc sống tu hành của nhiều người. Người có thể bày tỏ được những lỗi lầm của mình trong lễ phát lộ cần một sự can đảm được rèn luyện để nhìn vào sự thật cuộc sống của mình, nhưng cũng cần sự bao dung, từ bi của những người tham dự.

2.2.3. Giáo dục Phật giáo tại không gian gia đình

Gia đình ở đây được hiểu là gia đình có ít nhất một thành viên là Phật tử. Người chủ gia đình thường là ông, bà, cha, mẹ, đôi khi là anh, chị (nếu cha mẹ đã mất). Trong gia đình có người chủ gia đình là Phật tử thì có nhiều khả năng người đó đóng vai trò truyền thông những nguyên tắc và giá trị đạo đức Phật giáo cho các thành viên còn lại. Một Phật tử là chủ gia đình, đồng thời là trí thức trong xã hội, ngoài việc định hướng tâm linh cho những thành viên khác theo Phật (định hướng đọc sách, đọc kinh, thực tập hành thiền, tham gia khóa tu, quy y...), mà thường phổ biến những điều hữu ích học được từ giáo lý của Phật trong gia đình của mình. Một Phật tử là giáo viên, người Hà Nội, năm nay 43 tuổi, đã quy y 5 năm chia sẻ: “Việc học kiến thức tự nhiên, xã hội cho các con cũng quan trọng. Nhưng quan trọng hơn là giúp cho con có được một quan niệm sống đúng đắn, an vui, một đời sống tâm linh lành mạnh. Mình đã đặt niềm tin nơi con đường Phật dạy. Và mình thường xuyên nói chuyện với các con về những điều đó. Tất nhiên mình chuyển tải những thuật ngữ Phật giáo sang thứ ngôn ngữ đời thường hơn, để các con dễ hiểu. Đôi khi mình cho các con thực hành theo sự tu tập tại nhà của mình”⁴⁵. Ở vùng nông thôn Đồng bằng Bắc Bộ, một người chủ gia đình là nông dân,

đã quy y 6 năm tại chùa làng chia sẻ: “Bác không đọc được kinh sách, bác nghe thầy giảng lúc nhớ lúc quên. Bác cũng thường xuyên nói chuyện với các con cháu trong nhà về Phật. Bác kể cho chúng nghe những câu chuyện lấy của Phật thì sẽ phải trả, trộm đồ ở chùa thì có khi phải họa chết người, con cái không ăn ra làm nên được”⁴⁶.

Những điều liên quan tới Phật giáo được truyền thông trong gia đình có người chủ là Phật tử hiện nay ít nhất có hai loại. Một là những điều học được từ giáo lý của Phật mà người chủ tiếp nhận được từ việc đi sinh hoạt tại cơ sở thờ tự hoặc tự tìm hiểu. Trong đó có truyền tải những giá trị luân lý đạo đức của Phật giáo. Hai là, những câu chuyện về nhân vật trong Phật giáo mang tính huyền thoại, tính ứng nghiệm, có tác dụng răn đe, khiến người nghe kính sợ, có thể làm lành tránh dữ. Người chủ gia đình tiếp nhận điều gì từ Phật giáo thì truyền dạy điều đó.

Như vậy, giáo dục đạo đức Phật giáo tại không gian gia đình xuất phát từ cảm nhận và sự đánh giá cao về giá trị của đạo đức Phật giáo của Phật tử có gia đình. Hình thức giáo dục lồng ghép này thường đi cùng với vai trò làm gương của Phật tử, và phụ thuộc rất nhiều vào trình độ tiếp nhận giáo lý và khả năng truyền giảng lại của người đó.

2.2.4. *Giáo dục đạo đức Phật giáo qua phương tiện truyền thông*

Giáo dục đạo đức Phật giáo qua phương tiện truyền thông ở đây là việc truyền đi những thông điệp về đạo đức qua những phương tiện truyền thông đại chúng như đài, báo, internet. Hiện nay, ngoài việc tặng sách và đĩa CD có nội dung giáo dục thiết thực, nhiều cơ sở thờ tự Phật giáo có cách trang web riêng có từ vài nghìn người tới vài trăm nghìn lượt truy cập. “Trong đó không chỉ có Phật tử của chùa hay thiền viện đó, mà còn có không ít người khác tới thăm trang và đọc bài. Đây là một phương thức rất hữu hiệu và tiện lợi trong việc chuyển tải những nội dung giáo dục của Phật giáo đến với mọi người”⁴⁷. Những trang có nhiều người theo dõi như *Đến từ trái tim* (<http://dentutraitim.net>) là trang web của nhóm cựu học viên khóa V, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh, là trang có nhiều bài hát về Phật giáo và các vấn đề giáo dục; *Đạo Phật ngày nay* (<http://buddhismtoday.com>) là trang web Phật học của Đại đức Tiến sĩ Thích Nhật Từ, có nhiều bài viết Nghiên cứu Phật học. Ngoài ra, còn rất nhiều các trang web khác là những tập hợp tất cả những bài giảng của tăng sĩ, giảng sư khắp nơi, không phân biệt tông môn, pháp phái. Thêm vào đó, các website còn bổ sung một số tiết mục khác liên quan đến lĩnh vực Phật

giáo như phim truyện, âm nhạc, kinh tụng... hầu đáp ứng thị hiếu và nhu cầu tìm hiểu, học hỏi, nghiên cứu Phật pháp của mọi người trong thời đại đa công nghệ thông tin như hiện nay⁴⁸.

Trên Facebook, hiện có rất nhiều trang của các tăng sĩ, các chùa, tu viện, thiền viện đăng tải những thông tin liên quan tới Phật giáo. Nội dung chia sẻ không chỉ là những tin tức cập nhật của cơ sở đó, mà quan trọng là những chia sẻ mang tính phương tiện, phương thức tu tập, những cảm nhận khi tu tập, những chia sẻ về giáo lý của Phật, tiêu biểu như: Phật tử Việt Nam, Tùng Lâm Diệc Cổ, Thiền phái Trúc lâm Việt Nam, Đạo Phật Ngày nay Online, Pháp thoại của Thầy Thích Nhật Từ, Câu Lạc bộ Hà Nội thích đi chùa tụng kinh, Đạo đức Khoa học Thiền định, Đoàn Thanh Thiếu niên Phật tử Trần Nhân Tông. Facebook là một nơi kết nối và chia sẻ thông tin của nhiều người, nhiều nguồn khác nhau. Phật giáo hiện nay đã sử dụng được phương tiện này như một phương tiện không thể thiếu để hoằng pháp và giáo dục cho nhiều đối tượng, đặc biệt là với nhiều thanh thiếu niên, trí thức không có điều kiện tới chùa, gặp tăng sĩ.

Tất nhiên, giáo dục Phật giáo qua phương tiện truyền thông sẽ gặp những thách thức về tính hiệu quả bởi truyền thông là một quá trình gặp gỡ giữa chủ thể truyền thông và đối tượng tiếp nhận. Có rất nhiều yếu tố gây nhiễu (noise) vốn sẽ ảnh hưởng đến việc tiếp nhận đủ và đúng nội dung truyền thông. Do đó, người làm truyền thông về đạo đức Phật giáo càng hiểu các nguyên tắc truyền thông, thế mạnh và hạn chế của nó thì sẽ càng có khả năng cải thiện tính hiệu quả của hoạt động này.

3. Kết luận

Với những phương thức giáo dục chúng tôi đề cập ở trong bài viết, nhiều nội dung đạo đức trong giáo lý của Phật được truyền tới người tiếp nhận. Ở mức độ giản dị và dễ hiểu, thì đó là việc phân tích, làm rõ, nhấn mạnh và tái khẳng định tinh thần từ bi, hỷ xả, lối sống trọng tứ ân, lục hòa, lục độ, tầm quan trọng của tuân thủ Ngũ giới và Thập thiện, cũng như mưu cầu bình đẳng cho mình và cho người khác, v.v.. Ở mức độ cao hơn, đó là sự gọi mở và định hướng cho lựa chọn một lối sống, một quan điểm nhất quán về xã hội và con người, một tư thế vững vàng kiên định niềm tin và các nguyên tắc đạo đức trước mọi thử thách, cám dỗ và xu trào thiếu lành mạnh của đời sống hiện thực. Thực tế, những nguyên tắc đạo đức cốt lõi của Phật giáo cũng rất tương đồng với các nguyên tắc đạo đức phổ quát của nhân loại, chẳng hạn như yêu hòa bình, đề cao lòng nhân ái, ý thức cống hiến cho cộng

đồng, đồng thời là sự tuyệt đối không xâm phạm tính mạng hay lợi ích của người khác. Chính vì thế, giáo dục đạo đức Phật giáo gặp nhiều thuận lợi và có thể có sự đa dạng lớn về hình thức và phương pháp.

Đồng thời, Phật giáo đang lấy lại sức sống và sự thu hút với người dân. Điều này thể hiện qua con số tín đồ Phật giáo gia tăng khá nhanh trong 10 năm qua, qua các hoạt động của Phật giáo thu hút số lượng lớn người tham gia, cũng như qua sự hiện diện hình ảnh và biểu tượng của Phật giáo ngày càng nhiều nơi không gian công và trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Cho nên, đây là cơ hội lớn cho giáo dục đạo đức, với kỳ vọng giúp người dân tu sửa, cải đổi những lối sống có nhiều điểm thiếu lành mạnh, vị kỷ và thiếu quan tâm đến tha nhân, đồng thời cổ súy cho sự thăng tiến về văn hóa và văn minh qua giáo dục những nguyên tắc đạo đức tương đồng với các nguyên tắc đạo đức phổ quát của nhân loại.

Tuy thế, giáo dục đạo đức theo cách của Phật giáo về cơ bản vẫn là làm gương, khuyên bảo, gợi ý, và khuyến khích. Không có sự trừng phạt khắc nghiệt đối với Phật tử nếu vi phạm các nguyên tắc đạo đức. Do đó, giáo dục đạo đức của Phật giáo chỉ có thể tạo ra những chuyển biến sâu sắc nhưng không thể tức thời. Việc nâng cao tính hiệu quả của giáo dục đạo đức thông qua tôn giáo như thế này phụ thuộc rất nhiều vào chủ thể, phương thức và bối cảnh diễn ra hoạt động đó. Về bản chất, giáo dục của Phật giáo, dù thông qua bất cứ phương tiện nào, hoạt động gì cũng đều nhắm tới mục đích hoằng pháp cho chúng sinh. Điều đó phụ thuộc rất lớn vào chất lượng tăng sĩ, phụ thuộc vào việc họ có chú trọng truyền thông những giá trị luân lý đạo đức của Phật giáo cho người trong xã hội hay không. Đồng thời, hiệu quả giáo dục của Phật giáo cũng rất khác nhau giữa các đối tượng tiếp nhận khác nhau.

Trong trường hợp Phật giáo ở xã hội Việt Nam, vẫn còn nhiều vấn đề cần làm rõ: Xã hội thường bị nhiễu loạn bởi những hành vi lệch lạc, đi chệch khỏi các quy tắc đạo đức phổ quát và đặc thù, Phật giáo đã và hiện tại có thể giúp gì trong việc tái tạo sự cân bằng và ổn định bình thường cho xã hội? Phật giáo dạy những gì và dạy như thế nào về trách nhiệm của mỗi cá nhân dù là Phật tử hay chỉ là người có cảm tình với Phật giáo đối với gia đình và xã hội? Nếu xem Phật giáo cũng là một lối sống, một cách sống mà mỗi người có thể lựa chọn cho cuộc đời của họ, vậy thì lối sống Phật giáo giúp tín đồ tìm kiếm và lý giải ý nghĩa cho cuộc sống của

họ như thế nào? Khoan dung, vị tha, hay làm lành lánh dữ không chỉ có Phật giáo chủ trương. Vậy đâu là điểm khác biệt của Phật giáo khi cổ súy tín đồ thực hiện điều này?

Bài viết của chúng tôi mới dừng lại ở phân tích về giáo dục đạo đức Phật giáo ở Việt Nam qua việc xác định và phân tích vai trò của các yếu tố về mục đích, nội dung, phương thức và các nhân tố tham gia hành động này. Chúng tôi cũng đã song song trình bày các không gian nơi giáo dục đạo đức Phật giáo diễn ra. Bài viết gợi ý rằng Phật giáo hoàn toàn có thể tham gia một cách hiệu quả và tích cực vào nỗ lực chung nhằm định hướng đạo đức xã hội và lối sống trong xã hội hiện nay. Những phân tích trong bài viết cũng hi vọng chỉ ra những đặc điểm của hoạt động giáo dục đạo đức Phật giáo ở Việt Nam để góp phần cung cấp cơ sở lý luận cho việc tìm kiếm phương thức phù hợp và hiệu quả nhất để thúc đẩy, tạo điều kiện cho giáo dục đạo đức của Phật giáo ở xã hội Việt Nam hiện nay và mai sau./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Robert van Krieken, Philip Smith, Daphe Habibis, Kevin Mc Donald, Michael Haralambos, Martin Holborn (2000), *Sociology: Themes and Perspectives*. Second edition, Australia: Longman: 482.
- 2 Xem Mircea Eliade (1959), *The Sacred and the Profane: The Nature of Religion*, New York, Harcourt.
- 3 Abraham Maslow (1973), *The Farther Reaches of Human Nature*, Harmondsworth, Middlesex, Penguin Books: 341.
- 4 Xem: Keyes, C. F., Kendall, L. and Hardacre, H. (1994), "Introduction: Contested Visions of Community in East and Southeast Asia", In: Keyes, C. F., Kendall, L. and Hardacre, H. (eds.) *Asian Visions of Authority: Religion and the Modern States of East and the Modern States of East and Southeast Asia*, Honolulu: University of Hawaii Press; Philip Taylor (2007), "Modernity and Re-enchantment in Post-revolutionary Vietnam", in: Taylor, P. (ed.) *Modernity and Re-enchantment: Religion in Post-revolutionary Vietnam*, Singapore: ISEAS Publishing; Terence Chong (2010), "Religion and Politics in Southeast Asia". *Journal of Social Issues in Southeast Asia*, (1 April).
- 5 Robert van Krieken, Philip Smith, Daphne Habibis, Kevin McDonald, Michael Haralambos, Martin Holborn (2000), Sdd: 478 - 479.
- 6 Chúng tôi dịch "moral" là luân lý, với ý nghĩa chỉ cách hành xử đạo đức chỉ theo quan niệm của cá nhân, phụ thuộc vào nhận thức của cá nhân đó. Trong khi đó, chúng tôi dịch "ethic" là "đạo đức" với ý nghĩa chỉ các đòi hỏi về ứng xử theo chuẩn mực từ quan điểm của cộng đồng hay tập thể đối với mỗi cá nhân.
- 7 Robert van Krienken, Philip Smith, Daphne Haibis, Kevin McDonald, Michael Haralambos, Martin Holborn (2000), Sdd: 625.
- 8 Tham khảo thêm: T. B. Bottomore (1965), *Sociology: A guide to problems and literature*, Unwin University Books, London, pp. 221-233; Phan Thu Hiền, "Hệ

- giá trị đạo đức Phật giáo trong văn hóa Việt Nam (qua ca dao, tục ngữ)”, tham luận tại Hội thảo *Hệ giá trị văn hóa truyền thống và sự chuyển đổi hệ giá trị trong thời đại hội nhập và toàn cầu hóa*, Biên Hòa, Đồng Nai, tháng 9/2009.
- 9 Damien Keown (2013), *Đạo đức học Phật giáo*, Nguyễn Thanh Văn (dịch), Nxb. Tri thức, Hà Nội.
 - 10 Hoàng Thị Thơ (2014), “Quan niệm về trách nhiệm xã hội của Nho giáo và Phật giáo”, *Triết học*, số 12 (283): 30 - 31.
 - 11 Nguyễn Quốc Tuấn (2006), “ Tư tưởng “Lục hòa” trong xã hội ngày nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1.
 - 12 Bđd: 32.
 - 13 Thích Hiền Pháp (2003), “Sự đồng nhất giữa lý tưởng Bồ tát và lý tưởng Cộng sản”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3: 31.
 - 14 Hoàng Minh Đô (2014), “Ảnh hưởng của Phật giáo Việt Nam trong phát huy các giá trị văn hóa và đạo đức dân tộc”, *Triết học*, số 2 (273): 41.
 - 15 Robert van Krieken, Philip Smith, Daphe Habibis, Kevin Mc Donald, Michael Haralambos, Martin Holborn (2000), Sđd: 473.
 - 16 Robert van Krieken, Philip Smith, Daphe Habibis, Kevin Mc Donald, Michael Haralambos, Martin Holborn (2000), Sđd: 474.
 - 17 Robert van Krieken, Philip Smith, Daphe Habibis, Kevin Mc Donald, Michael Haralambos, Martin Holborn (2000), Sđd: 474.
 - 18 Robert van Krieken, Philip Smith, Daphe Habibis, Kevin Mc Donald, Michael Haralambos, Martin Holborn (2000), Sđd: 474 - 475.
 - 19 Nguyễn Công Lý (2015), “Nghĩ về giáo dục Phật giáo ở Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11 (149): 47.
 - 20 Nguyễn Lang (2010), *Việt Nam Phật giáo sử luận I-II-III*, Nxb. Văn học, Hà Nội: 375.
 - 21 Nguyễn Lang (2010), Sđd: 375 - 376.
 - 22 1227. Đinh Hợi, Kiến Trung 3, Thi Tam giáo tử (Tức là những người nổi nghiệp Nho giáo, Đạo giáo và Thích giáo) [Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỷ, q V, Kỷ nhà Trần]; 1247. Đinh Mùi. Thiên Ứng Chính Bình 16, mùa Thu, tháng 8. Thi các khoa thông Tam giáo. Ngô Tồn (người Trà Lộ) đỗ giáp khoa, Đào Diễm, Hoàng Hoan (người Thanh Hoá) và Vũ Vị Phù (người Hồng Châu) đỗ á khoa. [Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỷ, q V, Kỷ nhà Trần]; 1386, Bính Tý, Quang Thái 9, mùa Xuân, tháng Giêng. Xuống chiếu sa thải các tăng đạo chưa đến 50 tuổi trở xuống, bắt phải hoàn tục. Lại thi những người thông hiểu kinh giáo, ai đỗ thì cho làm Đường đầu thủ (Tăng đường Đầu mục), tri cung, tri quán, tri tự, còn thì cho làm kẻ hầu của người tu hành.
 - 23 Nguyễn Công Lý (2015), Bđd: 49.
 - 24 Hồ Bá Thâm (2002), “Một số vấn đề về phương pháp luận nghiên cứu tôn giáo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4.
 - 25 Hoàng Thị Thơ (2002), “Đạo đức Phật giáo với vấn đề xây dựng nhân cách con người Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1.
 - 26 Nguyễn Quốc Tuấn (2006), “ Tư tưởng “Lục hòa” trong xã hội ngày nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo* số 1.
 - 27 Nguyễn Khắc Đức (2008), “Vai trò của Phật giáo ở Việt Nam hiện nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7.
 - 28 Nguyễn Công Lý (2015), Bđd: 50.

- 29 Trần Hồng Liên (2002), “Đôi nét về đạo đức tôn giáo và ảnh hưởng của nó đối với cư dân Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2
- 30 Đặng Văn Bài (2006), “Nhận diện để phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5.
- 31 Phùng Thị An Na, Đỗ Lan Hiền (2012), *Ảnh hưởng của tư duy tôn giáo đến lối sống người Việt*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
- 32 Ngô Thị Lan Anh (2008), “Ảnh hưởng của Tâm trong Phật giáo Việt Nam đến đời sống đạo đức ở nước ta hiện nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5 (2008).
- 33 Tư liệu phỏng vấn sâu nhà sư Thích Trí Không, người phụ trách hướng dẫn Phật tử tại chùa Diệc, thành phố Vinh, Nghệ An, ngày 17/01/2016.
- 34 Tư liệu phỏng vấn sâu nữ trí thức Phật giáo (37 tuổi, nhà báo) tại Đồng Hỷ, Thái Nguyên, ngày 12/11/2015.
- 35 Tư liệu phỏng vấn sâu nữ trí thức Phật giáo (37 tuổi, nhà báo) tại Đồng Hỷ, Thái Nguyên, ngày 12/11/2015.
- 36 Tư liệu phỏng vấn sâu nữ trí thức Phật giáo (37 tuổi, nhà báo) tại Đồng Hỷ, Thái Nguyên, ngày 12/11/2015.
- 37 Tư liệu phỏng vấn sâu nữ trí thức Phật giáo (37 tuổi, nhà báo) tại Đồng Hỷ, Thái Nguyên, ngày 12/11/2015.
- 38 Tư liệu phỏng vấn sâu nhà sư Thích Trí Không, người phụ trách hướng dẫn Phật tử tại chùa Diệc, thành phố Vinh, Nghệ An, ngày 17/01/2016.
- 39 Có thể liệt kê như Tết Nguyên Đán, rằm tháng Giêng, kỷ niệm ngày Phật Thích Ca xuất gia (08/02 âm lịch), kỷ niệm ngày Phật Thích Ca nhập Niết Bàn (15/02 âm lịch), kỷ niệm ngày sinh (khánh đản) của Bồ Tát Quán Thế Âm hay còn gọi là ngày vía Bồ Tát Quán Thế Âm (19/02 âm lịch), kỷ niệm ngày sinh của Bồ Tát Phổ Hiền (21/02 âm lịch), kỷ niệm ngày sinh của Bồ Tát Chuẩn Đề (16/03 âm lịch), kỷ niệm ngày sinh của Bồ Tát Văn Thù (04/04 âm lịch), kỷ niệm ngày sinh của Phật Thích Ca (15/04 âm lịch), kỷ niệm ngày sinh Bồ Tát Đại Thế Chí (13/07 âm lịch), lễ Tự tứ (14/07 âm lịch), lễ Vu Lan (15/07 âm lịch), kỷ niệm ngày sinh Bồ Tát Địa Tạng (30/07 âm lịch), kỷ niệm ngày sinh Phật Dược sư (30/09 âm lịch), kỷ niệm ngày sinh Phật A Di Đà hay còn gọi là ngày vía A Di Đà (17/11 âm lịch), kỷ niệm ngày Phật Thích Ca thành đạo (ngày 08/12). Riêng Phật giáo Nam tông ở Việt Nam còn có một số ngày lễ theo truyền thống của người Khmer, như lễ mừng năm mới (Chol Chornam Thmây - Tết dân tộc của người Khmer) vào 13-15/04 dương lịch, lễ cúng ông bà (lễ Donta) vào 30/08 dương lịch, lễ dâng y (dâng bông) vào đầu tháng 9 hoặc tháng 10 âm (sau khi kết thúc khóa hạ), lễ cúng trắng (Okcombok) vào ngày 15/10 âm lịch.
- 40 Được tu chính từ Hội nghị Huynh trưởng tại chùa Từ Đàm (Huế) năm 2001, đến năm 2013 được xác quyết tại NỘI QUY PHÂN BAN GIA ĐÌNH PHẬT TỬ (Ban hành theo Quyết định số 257/2013/QĐ.HĐTS ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam).
- 41 Xem thêm Giáo hội Phật giáo Việt Nam, NỘI QUY PHÂN BAN GIA ĐÌNH PHẬT TỬ (Ban hành theo Quyết định số 257/2013/QĐ.HĐTS ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam).
- 42 Theo Báo cáo Hoạt động Phật sự năm 2015 và Chương trình Hoạt động Phật sự năm 2016 của Ban Hướng dẫn Phân ban Gia đình Phật tử Trung ương.
- 43 Theo tư liệu phỏng vấn sâu nhà sư Thích Trí Không, hướng dẫn Phật tử chùa Diệc (phường Quang Trung, thành phố Vinh, Nghệ An) ngày 17/01/2016.

- 44 Cụ thể: 1. Không được sát sanh; 2. Không được trộm cướp; 3. Không được dâm dục; 4. Không được nói dối; 5. Không được uống rượu; 6. Không được trang điểm, thoa dầu thơm, múa hát và xem múa hát; 7. Không được nằm ngồi giường cao rộng đẹp đẽ; 8. Không được ăn quá giờ Ngọ.
- 45 Theo tư liệu phỏng vấn sâu nữ Phật tử 43 tuổi (giáo viên đang giảng dạy) tại Thiền viện Trúc lâm Tuệ Đức (xã Đồng Quế, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc) vào lễ Phật Đản ngày 21/5/2016.
- 46 Theo tư liệu phỏng vấn sâu nữ Phật tử (65 tuổi, nông dân) tại chùa Cổ Am (Diễn Thành, Nghệ An) ngày 15/5/2016.
- 47 Tư liệu phỏng vấn sâu nhà sư Thích Trí Không tại chùa Diệc (phường Quang Trung, thành phố Vinh, Nghệ An) ngày 17/01/2016.
- 48 Các website có nhiều người xem khác bao gồm: Buddha Sasana - Con đường Giải thoát (<http://budsas.org>) là trang Phật học (đặc biệt là Phật giáo Nguyên thủy) của Cư sĩ Bình Anson; *Thư viện Hoa sen* (<http://thuvienhoasen.org>) là trang web Phật học Từ Mỹ; *Chuyển pháp luân* (<http://chuyenphapluan.com>) là trang web Phật học của Thượng tọa Thích Thiện Bảo; *Phật Việt* (<http://phatviet.com>) là thư viện Phật giáo do TT. Thích Tuệ Sĩ chủ trương; *Chùa Hoằng Pháp* (<http://www.chuahoangphap.com.vn>) là trang web của chùa Hoằng Pháp huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; *Thư viện Phật học Xá Lợi* (<http://thuvienxalo.net>) là thư viện Phật học của chùa Xá Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh; *Thiền viện Quang Chiếu* (<http://thienvienquangchieu.org>) là trang web của Thiền viện Quang Chiếu tại 5251 Rendon Road, Fort Worth, Texas 76140, Mỹ; *Chùa Vĩnh Nghiêm* (<http://vinhnghiemvn.com>) là trang web của chùa Vĩnh Nghiêm tại 339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; *Phật giáo Nguyên thủy* (<http://phatgiaonguyenthuy.com>); <http://vinabri.org> của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam; *Sách nói Phật giáo* (<http://sachnoiphatgiao.com>); *Tuổi trẻ Phật giáo* (<http://tuoitrepfatgiao.com>); *Thanh niên Phật giáo Khất sĩ* do Đại đức Thích Giác Nhưông chủ biên (<http://vuontamhoi.net>); *Tạp chí Văn hóa Phật giáo* (<http://vanhoaphatgiao.com>); *Làng Mai* (<http://langmai.org>); *Đạo Phật khất sĩ* (<http://daophatkhatsi.org>); *Trung tâm văn hóa Phật giáo Liễu Quán (Huế)* (<http://www.lieuquanhue.vn>); *Gia đình Phật tử Việt Nam* (<http://www.giadinhphattu.vn>), v.v..

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Thị Lan Anh (2008), “Ảnh hưởng của Tâm trong Phật giáo Việt Nam đến đời sống đạo đức ở nước ta hiện nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5 (2008).
2. Đặng Văn Bài (2006), “Nhận diện để phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5.
3. Nguyễn Khắc Đức (2008), “Vai trò của Phật giáo ở Việt Nam hiện nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7.
4. Trần Hồng Liên (2002), “Đôi nét về đạo đức tôn giáo và ảnh hưởng của nó đối với cư dân Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2.
5. Phùng Thị An Na và Đỗ Lan Hiền (2012), *Ảnh hưởng của tư duy tôn giáo đến lối sống người Việt*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
6. Hồ Bá Thâm (2002), “Một số vấn đề về phương pháp luận nghiên cứu tôn giáo” *Nghiên cứu tôn giáo*, số 4.

7. Hoàng Thị Thơ (2002), “Đạo đức Phật giáo với vấn đề xây dựng nhân cách con người Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1.
8. Nguyễn Quốc Tuấn (2006), “Tư tưởng “Lục hòa” trong xã hội ngày nay” *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1.
9. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỷ, q V.
10. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
11. Báo cáo Hoạt động Phật sự năm 2015 và Chương trình Hoạt động Phật sự năm 2016 của Ban Hướng dẫn Phân ban Gia đình Phật tử Trung ương.
12. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Nội quy Phân ban Gia đình Phật tử* (Ban hành theo Quyết định số 257/2013/QĐ-HĐTS ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam).

Abstract

EDUCATION OF BUDDHIST MORALITY AND WAY OF LIFE IN CONTEMPORARY VIETNAM

Although Buddhism was introduced into Vietnam since the early period of the first millennium and experienced many ups and downs, it is still much alive at the present. One of the interesting reasons is that a system of moral values that Buddhism gradually built up has been highly appreciated, perceived, and nurtured by Vietnamese communities. These values are clearly represented in promulgation and practices of doctrines with emphasis on moral principles. Through formation of guidances and principles for self-cultivation and way of life, Buddhism has been highly appreciated for its capacity of providing education for individual and the society beyond boundaries of a religion. This article mainly discusses Buddhist education of morality and way of life taking place in private and public spaces. We focus our analysis on purposes, contents, and methods observed in Buddhist education recently. We would argue that Buddhism had and will have significant contributions to the building of a valuable moral framework for the Vietnamese.

Key words: Buddhist education, purposes of education, contents of education, method of education, function of religion, function of Buddhism.